UBND TỈNH TIỀN GIANG
**CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CT THỦY LỢI**
**MST: 1200100596**
Số: 164 /KH-TL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tiền Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2019*

# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH & ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

*(Đã được Chủ tịch công ty phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-TL ngày 14 tháng 3 năm 2019)*

## I- TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

| Stt | Nội dung | ĐVT | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2018 | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Các chỉ tiêu chủ yếu | | | | |
| - | *Công trình cống* | *cống* | *141* | *148* | *104,96%* |
| - | *Công trình kênh* | *km* | *1.118,82* | *1.118,82* | *100%* |
| - | *Trạm bơm* | *trạm* | *01* | *01* | *100%* |
| - | *Diện tích tưới* | *ha* | *380.275* | *338.072* | *88,90%* |
| 2 | Tổng doanh thu | 1.000 đ | 40.428.386 | 38.431.304 | 95,06% |
| 3 | Tổng chi phí | 1.000 đ | 40.428.386 | 37.618.607 | 93,05% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 1.000đ | 0 | 812.697 | |
| 5 | Nộp ngân sách | 1.000 đ | - | 162.539 | Dự kiến |
| 6 | Tổng lao động (Viên chức+NLĐ) | người | 162 | 140 | Thực hiện là số bình quân |
| 7 | Tổng quỹ lương | 1.000 đ | 14.038.139 | 14.038.139 | 100% |
| - | *Lương viên chức quản lý* | *1.000đ* | *1.068.000* | *1.068.000* | |
| - | *Phụ cấp kiểm soát viên* | *1.000đ* | *40.320* | *40.320* | |
| - | *Quỹ lương người lao động* | *1.000 đ* | *12.929.819* | *12.929.819* | |

**Ghi chú:**

*- Trong năm 2018, Công ty đã được UBND tỉnh giao quản lý thêm 07 công trình cống.*

*- Diện tích phục vụ tưới tiêu giảm so với kế hoạch là do thực hiện Thông tư 28/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 02/6/2014 về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Theo đó đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển từ cây công nghiệp ngắn ngày sang cây công nghiệp dài ngày tập trung ở các huyện Tân Phước, Chợ Gạo (cụ thể diện tích gieo trồng giảm 42.203ha và diện tích canh tác giảm 2.066ha do chuyển đổi mục đích sử dụng và điều tra lại diện tích).*

*- Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch năm 2018 theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 và Công văn số 4519/UBND-TC ngày 11/10/2018 với tổng kinh phí là 42.136.972.734 đồng bao gồm:*

*+ Chi phí quản lý khai thác công trình: 40.428.385.734 đồng.*

*+ Hỗ trợ 2 quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.708.587.000 đồng.*

**2. Về thuận lợi, khó khăn**

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các Sở ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Công ty.

- Công tác quản lý vận hành công trình phục vụ sản xuất được địa phương quan tâm. CBCNV Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chủ động trong công tác vận hành công trình đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất.

b) Khó khăn:

- Do nhiều lý do khách quan, công tác phối hợp cùng các Sở ngành trong việc giao kế hoạch quản lý khai thác công trình thuỷ lợi năm 2018 cho công ty chậm (*đến ngày 08/8/2018 Công ty mới được Ủy ban nhân tỉnh giao kế hoạch quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý năm 2018*). Điều này tác động đến hoạt động của công ty kéo theo việc tổ chức phân công và bố trí, tuyển dụng lao động theo kế hoạch định biên lao động cũng gặp khó khăn về nguồn lao động. Công tác tuyển dụng công nhân thủy nông còn hạn chế, do trao đổi thông tin chưa rõ ràng đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch tuyển dụng.

- Công tác bảo vệ công trình thủy lợi chưa được địa phương quan tâm đúng mức nên các trường hợp vi phạm phạm vi bảo vệ công trình vẫn còn tồn tại và tiếp tục phát sinh do địa phương chưa xử lý triệt để.

- Việc xin cấp chủ quyền đất một số công trình quản lý còn gặp nhiều khó khăn do không có hồ sơ gốc và các hộ lân cận không chịu ký giáp ranh.

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

### 1. Mục tiêu, định hướng phát triển năm 2019

a) Về quản lý khai thác công trình thủy lợi

- Tổ chức quản lý khai thác công trình bảo đảm khai thác tối đa hiệu quả phục vụ và an toàn tuyệt đối cho công trình, con người và thiết bị. Trong đó chuẩn bị điều kiện để tiếp nhận bàn giao đưa vào sử dụng mới từ 01 đến 05 công trình cống sau khi hoàn thiện các dự án.

- Nâng cao hiệu quả phục vụ nước sản xuất và dân sinh trong toàn tỉnh. Bảo đảm tưới tiêu tạo nguồn hệ thống thủy lợi nội đồng cho 338.072ha diện tích gieo trồng (*183.112ha diện tích canh tác*) trong toàn tỉnh, đặc biệt cung cấp đủ nước ngọt cho sản xuất lúa vụ Đông Xuân thuộc dự án Gò Công trước tình hình diễn biến xâm nhập mặn như hiện nay.

- Tăng cường bảo dưỡng, sửa chữa công trình nhằm tránh xuống cấp, tạo vẽ mỹ quan cho công trình, bảo đảm năng lực vận hành của công trình đúng theo năng lực thiết kế.

b) Về quản lý lao động, tiền lương

- Tuyển dụng, bố trí phân công lao động đủ theo số lao động kế hoạch là 154 người (*so với thời điểm 31/12/2018 hiện còn thiếu 14 lao động là công nhân thủy nông*).

- Tiền lương người lao động thực hiện theo quy định trả lương trên cơ sở hệ số lương theo thang bảng lương của công ty và mức lương tối thiểu của doanh nghiệp (*mức lương tối thiểu của doanh nghiệp do công ty xác định năm 2019 dự kiến là 4.407.500 đồng*). Tiền lương viên chức quản lý áp dụng theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nghị định 52/2016 nêu trên.

c) Về tài chính, quản lý doanh nghiệp

- Thực hiện các biện pháp quản lý tài chính đúng theo quy định tài chính kế toán hiện hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo thu nhập của người lao động bằng mức trung bình của các doanh nghiệp trong toàn tỉnh.

**2. Nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh**

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Thực hiện 2018 | Kế hoạch 2019 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Các chỉ tiêu chủ yếu | | | |
| - | *Công trình cống* | *cống* | *148* | *150* |
| - | *Công trình kênh* | *km* | *1.118,82* | *1.120,92* |
| - | *Trạm bơm* | *cái* | *1* | *1* |
| - | *Diện tích tưới tiêu tạo nguồn kết hợp* | *ha* | *338.072* | *338.072* |
| 2 | Tổng doanh thu | 1.000đ | 38.431.304 | 37.426.790 |
| 3 | Tổng chi phí | 1.000đ | 37.618.607 | 37.426.790 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 1.000đ | 812.697 | 0 |
| 5 | Nộp ngân sách | 1.000đ | 162.539 | - |
| 6 | Viên chức và người lao động b/q | người | 140 | 154 |
| 7 | Tổng quỹ lương | 1.000đ | 14.038.139 | 15.527.853 |
| - | *Lương viên chức quản lý Cty* | *1.000đ* | *1.068.000* | *1.068.000* |
| - | *Phụ cấp kiểm soát viên* | *1.000đ* | *40.320* | *40.320* |
| - | *Tiền lương người lao động* | *1.000đ* | *12.929.819* | *14.419.533* |

## III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp về tài chính

- Quản lý hiệu quả nguồn vốn thủy lợi phí cấp bù qua các năm để đẩy mạnh công tác duy tu sửa chữa, nạo vét bồi lắng, xử lý sạt lở các công trình cống, kênh. Tăng cường việc đầu tư trang thiết bị quản lý tại các chi nhánh thủy nông, cụm quản lý công trình.

### 2. Giải pháp về quản lý và khai thác công trình

- Tăng cường nâng cao quản lý kỹ thuật công trình, chú trọng các công tác tiếp nhận, quản lý hồ sơ lý lịch, quy trình vận hành của từng công trình, hệ thống công trình.

- Tiếp tục duy trì thông thoáng lòng kênh theo Phương án số 253/PA-UBND ngày 19/9/2018 của UBND Tỉnh Tiền Giang, đồng thời phối hợp với các

địa phương kiểm tra các hệ thống kênh, rạch còn lại để đảm bảo thông thoáng, lưu thông dòng chảy phục vụ cho sản xuất và dân sinh, đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn trong đó chú trọng cải tạo nâng cấp, sửa chữa các công trình chưa phát huy được hiệu quả theo năng lực thiết kế; thay mới các cửa và phai cống không bảo đảm ngăn mặn.

- Áp dụng các công nghệ mới trong vận hành công trình hoặc hệ thống công trình. Ứng dụng các vật liệu mới trong chế tạo, sửa chữa để tương thích với điều kiện làm việc của công trình đối với từng vùng phèn, mặn. Trang bị và đưa vào sử dụng các thiết bị mới về quan trắc, đo đạc tự động, vận hành cửa cống.

- Đối với từng dự án đưa ra kế hoạch vận hành hệ thống công trình theo đúng quy mô, nhiệm vụ. Cụ thể:

+ Khu vực dự án Cái Bè-Trà Lọt và Đông-Tây Ba Rài: Quản lý vận hành công trình bảo đảm ngăn lũ, triều cường; vận hành công trình để tưới tiêu có điều tiết cho toàn bộ diện tích thuộc dự án.

+ Khu vực dự án Bảo Định: Tăng cường phối hợp với cơ quan quản lý thủy nông tỉnh Long An để tiêu thoát úng, phèn, mặn qua công trình cống Rạch Chanh, Bắc Đông, Rạch Tràm...cho số diện tích phía Bắc của dự án. Tổ chức vận hành công trình bảo đảm cung cấp nước ngọt, ngăn mặn, tiêu úng cho số diện tích phía Nam và phía giáp kênh Chợ Gạo.

+ Khu vực dự án Gò Công: Xây dựng các biện pháp vận hành công trình đầu mối, đặc biệt là cống Xuân Hòa nhằm bảo đảm ngăn mặn để cung cấp đủ nước ngọt cho sản xuất vụ Đông Xuân. Thường xuyên xổ xả ô nhiễm nguồn nước mặt trong toàn hệ thống để phục vụ sản xuất và dân sinh. Thông tin và phối hợp cùng địa phương trong vận hành công trình để thực hiện tốt việc chống úng, hạn cục bộ.

+ Khu vực dự án Phú Thạnh-Phú Đông: Tăng cường kiểm soát mặn, lấy ngọt bảo đảm cho sản xuất. Vào mùa mặn, thường xuyên duy trì mực nước nội đồng trên kênh rạch để hạn chế hiện tượng xì phèn. Xổ xả thường xuyên vào đầu vụ để cải tạo chất lượng nước nội đồng. Chú trọng việc bồi lắng thượng hạ lưu cống do thời gian đóng ngăn mặn kéo dài để bảo đảm hoạt động của công trình.

- Phối hợp với các ban ngành, chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức hội nghị dùng nước, hội nghị đầu bờ của từng khu vực, dự án, tiểu dự án. Tổ chức thông tin lịch vận hành công trình, mực nước, diễn biến phèn mặn rộng rãi đến người dân thông qua tài liệu, văn bản, phát thanh truyền hình,...

### 3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế về quản lý nhân sự, tiền lương phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội từng năm nhằm thu hút, khuyến khích người lao động phát huy tối đa sự sáng tạo, làm việc đạt năng suất và hiệu quả.

- Tuyển chọn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật thông qua việc xét tuyển nhằm bảo đảm tuyển dụng những lao động có kinh nghiệm, thạo việc, có thể làm việc được ngay. Chú trọng đào tạo và tuyển dụng số lao động phổ thông có trình độ nhất định trong công tác quản lý kênh và cống vừa và nhỏ.

- Đối với số lao động hiện có thì thường xuyên tổ chức tập huấn, sát hạch, đào tạo lại, thi nâng bậc... để bảo đảm nguồn nhân lực kế thừa có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành.

### 4. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Tăng cường đầu tư công nghệ trong quản lý điều hành, thông tin liên lạc thông suốt đến từng công trình. Tiếp tục duy trì và cải tiến các phần mềm về quản lý tài chính, nhân sự, quản lý hồ sơ lý lịch công trình, mạng đo đạc mực nước...

- Áp dụng các công nghệ mới, cải tiến công nghệ trong vận hành công trình và hệ thống công trình. Ứng dụng các vật liệu mới trong chế tạo, sửa chữa cửa cống. Tích cực áp dụng các biện pháp xử lý kỹ thuật mới, các biện pháp vận hành công trình, phi công trình mà qua thực tế áp dụng đã chứng minh được hiệu quả.

- Trang bị và đưa vào sử dụng các thiết bị mới về quan trắc, đo đạc tự động, vận hành cửa cống; thay thế dần các máy đóng mở, tời trục không an toàn theo hướng hiện đại, khi có điều kiện sẽ thay thế các máy móc vận hành thủ công chuyển sang chạy điện.

### 5. Giải pháp về quản lý điều hành

- Tuân thủ triệt để các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bám sát vào định hướng quy hoạch thủy lợi giai đoạn 2016-2020 của tỉnh để có những chuyển biến tích cực, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo Công ty. Rà soát và xây dựng quy trình quản lý điều hành theo hướng đổi mới, tiên tiến. Đề ra các biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với các đơn vị trực thuộc.

- Tăng cường mối liên hệ với Chủ sở hữu, ban ngành chuyên môn, các cấp chính quyền đoàn thể trong toàn tỉnh để tạo mối liên lạc thường xuyên, gắn bó và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

- Quan tâm chỉ đạo đối với các hoạt động đoàn thể, xây dựng các phong trào thi đua sản xuất tạo khí thế sôi nổi, vui tươi lành mạnh trong toàn Công ty.

**6. Kế hoạch đầu tư, khai thác công trình trọng điểm năm 2019**

- Sửa chữa cống Số 2 Sông Tra
- Sửa chữa cống Xóm Gồng
- Sửa chữa, cải tạo cống CC1.

***Nơi nhận***
- Bộ KH&ĐT;
- UBND tỉnh TG;
- Sở KH&ĐT TG;
- Lưu VT, KH-KT.

**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG

Lê Văn Khuê

# BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

| Stt | Chỉ tiêu chủ yếu | Đvt | Kế hoạch năm 2019 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Quản lý khai thác công trình** | | | |
| * | Công trình cống | cống | 150 | |
| * | Công trình kênh | km | 1.120,92 | |
| * | Trạm bơm | trạm | 01 | |
| * | Diện tích tưới tiêu tạo nguồn kết hợp | ha | 338.072 | |
| - | *Diện tích gieo trồng* | *ha* | *338.072* | |
| - | *Diện tích canh tác* | *ha* | *183.112* | |
| **2** | **Tổng doanh thu** | 1.000đ | **37.426.790** | |
| **3** | **Tổng chi phí** | 1.000đ | **37.426.790** | |
| **4** | **Lợi nhuận trước thuế** | 1.000đ | **0** | |
| **5** | **Nộp ngân sách** | 1.000đ | - | |
| **6** | **Tổng lao động** | người | **154** | |
| **7** | **Tổng quỹ lương** | 1.000đ | **15.527.853** | |
| * | Quỹ lương viên chức quản lý | 1.000đ | 1.068.000 | |
| * | Lương kiểm soát viên | 1.000đ | 40.320 | |
| * | Quỹ lương người lao động | 1.000đ | 14.419.533 | |
| **8** | **Kế hoạch đầu tư phát triển 2019** | | | |
| * | Công trình cống | cống | 3 | |
| * | Công trình kênh | km | 0 | |
| * | Trạm bơm | trạm | 0 | |
| * | Vốn đầu tư phát triển năm 2019 | đồng | 8.116.441 | |
| | | | | |